

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2014/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015
cho các huyện, thị xã, thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3043/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 14 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 cho các huyện, thành phố, thị xã như các Biểu đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2015 được giao, các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2015, như sau:

- Các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ;

- Sử dụng 50% số tăng thu ngân sách địa phương (nếu có, không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất);

- Sử dụng tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) tăng thêm (nếu có).

Điều 3. Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	206.100
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	204.200
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	94.800
2	Thu tiền sử dụng đất	40.000
3	Tiền thuê đất	4.700
4	Lệ phí trước bạ	51.400
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.100
6	Thu phí, lệ phí	4.000
-	Phí Trung ương	1.900
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	2.100
7	Thuế thu nhập cá nhân	8.000
8	Thu khác ngân sách	600
9	Thu tại xã	500
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách phường)	82.685
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ (bao gồm cả chi ngân sách phường)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	286.885
I	I. Chi đầu tư phát triển	50.984
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản (XD CB) tập trung phân bổ theo tiêu chí	9.984
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	9.984
	+ Thu hồi trả nợ vay kiên cố hóa kênh mương (KCHKM) và giao thông nông thôn (GTNT)	0
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	40.000
-	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	1.000
II	Chi thường xuyên	230.716
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	20.055
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	117.468
	Trong đó: + Giáo dục	116.604
	+ Đào tạo và dạy nghề	864
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	5.185

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác đường phố; duy trì cây xanh; tưới nước đường phố, thoát nước đô thị, bù giá thu gom rác hộ dân...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Thành phố chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu Chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tinh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 67, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Kinh phí giám sát đầu tư công đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban MTTQ Việt Nam - Bộ Tài chính (04 triệu đồng/xã);

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	23.350
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	23.260
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	14.300
2	Thu tiền sử dụng đất	2.000
3	Tiền thuê đất	250
4	Lệ phí trước bạ	4.700
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200
6	Thu phí, lệ phí	750
-	Phí Trung ương	90
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	660
7	Thuế thu nhập cá nhân	800
8	Thu khác ngân sách	100
9	Thu tại xã	250
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách xã, phường)	98.942
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ (bao gồm cả chi ngân sách phường, xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	122.202
I	I. Chi đầu tư phát triển	16.200
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	4.200
	Chi XD CB tập trung phân bổ	4.050
	Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	150
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	10.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	2.000
II	Chi thường xuyên	103.976
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	7.070
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	50.852
	Trong đó: + Giáo dục	49.655
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.197
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	2.026

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác đường phố; duy trì cây xanh; tưới nước đường phố, thoát nước đô thị, hỗ trợ xử lý bãi rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Thị xã chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu Chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010-2015 và phát triển chăn nuôi tinh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 67, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/ xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN VĨNH LINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	42.600
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	42.600
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	20.850
2	Thu tiền sử dụng đất	8.000
3	Tiền thuê đất	900
4	Lệ phí trước bạ	9.700
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
6	Thu phí, lệ phí	1.250
-	Phí Trung ương	0
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.250
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.200
8	Thu khác ngân sách	150
9	Thu tại xã	450
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)	268.154
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014

HUYỆN VĨNH LINH (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	310.754
I	Chi đầu tư phát triển	17.307
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	7.307
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	6.932
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	375
-	TW hỗ trợ có địa chỉ	2.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	8.000
II	Chi thường xuyên	288.526
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	3.750
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	159.836
	Trong đó: + Giáo dục	158.606
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.230
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	4.921

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...
- Sự nghiệp Giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:
 - + Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;
 - + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;
- Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);
 - + Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tinh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;
 - + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;
 - + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;
 - + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
 - + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
 - + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
 - + Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;
 - + Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;
 - + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
 - + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
 - + Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
 - + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
 - + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
 - + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
 - + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;
 - + Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
 - + Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;
 - + Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên nghĩa trang liệt sỹ huyện;
 - + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
 - + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
 - Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;
 - Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
 - Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ xã.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN GIO LINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	27.100
	Trong đó: ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	26.980
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	16.090
2	Thu tiền sử dụng đất	3.000
3	Tiền thuê đất	1.600
4	Lệ phí trước bạ	3.900
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	110
6	Thu phí, lệ phí	1.180
-	Phí Trung ương	120
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.060
7	Thuế thu nhập cá nhân	620
8	Thu khác ngân sách	100
9	Thu tại xã	500
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)	242.100
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014

HUYỆN GIO LINH (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	269.080
I	Chi đầu tư phát triển	9.572
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	6.572
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	6.422
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	150
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	3.000
II	Chi thường xuyên	255.145
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.000
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	143.546
	Trong đó: + Giáo dục	142.338
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.208
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	4.363

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp.

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:

+ Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tinh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 67, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;

+ Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN CAM LỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	21.900
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	21.680
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	11.330
2	Thu tiền sử dụng đất	4.000
3	Tiền thuê đất	300
4	Lệ phí trước bạ	3.900
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70
6	Thu phí, lệ phí	1.100
-	Phí Trung ương	200
-	Phí tỉnh	20
-	Phí huyện, xã	880
7	Thuê thu nhập cá nhân	800
8	Thu khác ngân sách	50
9	Thu tại xã	350
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)	153.088
III	THU CHUYỂN NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

HUYỆN CAM LỘ (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	174.768
I	Chi đầu tư phát triển	12.795
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	3.795
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	3.795
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	0
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	5.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	4.000
II	Chi thường xuyên	159.090
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.140
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	90.166
	Trong đó: - Giáo dục	88.712
	- Đào tạo và dạy nghề	1.454
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	2.883

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2014;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg.;

- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:

+ Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

- Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;

+ KINH PHÍ thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã

- Chi xây dựng cơ bản cấp xã được bố trí trong tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung của huyện;

- Đã hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN HẢI LĂNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	27.950
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	26.680
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	14.100
2	Thu tiền sử dụng đất	5.000
3	Tiền thuê đất	400
4	Lệ phí trước bạ	4.700
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
6	Thuế bảo vệ môi trường	1.000
7	Thu phí, lệ phí	830
-	Phí Trung ương	100
-	Phí tỉnh	170
-	Phí huyện, xã	560
8	Thuế thu nhập cá nhân	870
9	Thu khác ngân sách	100
10	Thu tại xã	850
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)	248.897
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

HUYỆN HẢI LĂNG (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	275.577
I	Chi đầu tư phát triển	16.343
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	6.343
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	5.968
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	375
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	5.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	5.000
II	Chi thường xuyên	254.528
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.700
-	Chi sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	144.312
	Trong đó: + Giáo dục	143.442
	+ Đào tạo và dạy nghề	870
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	4.706

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:

+ Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/ xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông, lâm, ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 3 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;

- Chi XDCB cấp xã được bố trí trong tổng nguồn vốn XDCB tập trung của huyện;

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật; hỗ trợ công tác phối hợp quy hoạch Khu Kinh tế Đông Nam;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN TRIỆU PHONG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	37.700
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	37.600
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	17.250
2	Thu tiền sử dụng đất	10.000
3	Tiền thuê đất	750
4	Lệ phí trước bạ	6.500
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
6	Thu phí, lệ phí	1.000
-	Phí Trung ương	100
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	900
7	Thuế thu nhập cá nhân	900
8	Thu khác ngân sách	100
9	Thu tại xã	1.100
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)	279.821
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

HUYỆN TRIỆU PHONG (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	317.421
I	I. Chi đầu tư phát triển	18.428
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	6.428
	Chi XD CB tập trung phân bổ	6.128
	Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	300
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	2.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	10.000
II	Chi thường xuyên	294.211
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	1.500
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	181.350
	Trong đó: + Giáo dục	180.245
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.105
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	III. Dự phòng	4.782

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg.

- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:

+ Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tinh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Kinh phí thanh tra nhân dân 4 triệu đồng/ xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông, lâm, ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;

- Chi xây dựng cơ bản cấp xã được bố trí trong tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung của huyện;

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN HUỚNG HÓA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	35.650
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	34.690
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	22.700
2	Thu tiền sử dụng đất	2.500
3	Tiền thuê đất	80
4	Lệ phí trước bạ	7.300
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20
6	Thu phí, lệ phí	1.600
-	Phí Trung ương	760
-	Phí tỉnh	200
-	Phí huyện, xã	640
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.300
8	Thu khác ngân sách	150
9	Thu tại xã	0
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)	348.296
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

HUYỆN HUỚNG HÓA (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	382.986
I	Chi đầu tư phát triển	16.455
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	8.955
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	8.805
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	150
-	TW hỗ trợ có địa chỉ	5.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	2.500
II	Chi thường xuyên	361.110
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.900
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	223.073
	Trong đó: + Giáo dục	221.904
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.169
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	5.421

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:

+ Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);

+ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tinh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 67, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;

+ Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;

+ Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;

- Chi xây dựng cơ bản cấp xã được bố trí trong tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung của huyện;

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN ĐAKRÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	9.550
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	9.550
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	4.100
2	Thu tiền sử dụng đất	2.000
3	Tiền thuê đất	20
4	Lệ phí trước bạ	2.200
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0
6	Thu phí, lệ phí	860
-	Phí Trung ương	0
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	860
7	Thuế thu nhập cá nhân	320
8	Thu khác ngân sách	50
9	Thu tại xã	0
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (Bao gồm cả ngân sách cấp xã)	253.801
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014.

HUYỆN ĐAKRÔNG (bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	263.351
I	Chi đầu tư phát triển	8.576
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	6.576
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	6.576
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	0
-	TW hỗ trợ có địa chỉ	0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	2.000
II	Chi thường xuyên	250.726
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	550
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	148.550
	Trong đó: + Giáo dục	147.455
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.095
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	4.049

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi; giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Huyện chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách Trung ương và địa phương:
 - + Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;
 - + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KP CĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;
 - + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp Cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng (05 triệu đồng/huyện; 04 triệu đồng/xã);
 - + Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND về tổ chức mạng lưới thú y cơ sở, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010 - 2015 và phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;
 - + Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg;
 - + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;
 - + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;
 - + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
 - + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
 - + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
 - + Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;
 - + Kinh phí chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ tăng cường xóa đói, giảm nghèo;
 - + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
 - + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
 - + Kinh phí thanh tra nhân dân 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
 - + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
 - + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
 - + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
 - + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/khu dân cư; 05 triệu đồng/xã vùng khó;
 - + Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
 - + Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã;
 - + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
 - + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
 - Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;
 - Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
 - Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015
HUYỆN ĐẢO CỎ CỎ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. Phần thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	0
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	0
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	
2	Thu tiền sử dụng đất	
3	Tiền thuê đất	
4	Lệ phí trước bạ	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
6	Thu phí, lệ phí	
-	Phí Trung ương	
-	Phí tỉnh	
-	Phí huyện, xã	
7	Thuế thu nhập cá nhân	
8	Thu khác ngân sách	
9	Thu tại xã	
II	BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH	0
III	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)	

Ghi chú: (*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2014

HUYỆN ĐẢO CỎ CỎ

B. Phần chi

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015
	TỔNG SỐ	16.785
I	Chi đầu tư phát triển	0
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	0
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	0
	+ Thu hồi trả nợ vay KCHKM và GTNT	0
-	Trung ương hỗ trợ có địa chỉ	0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	0
II	Chi thường xuyên	16.418
	Trong đó:	
	Chi sự nghiệp môi trường	100
	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	755
	Trong đó: + Giáo dục	395
	+ Đào tạo và dạy nghề	360
	Kinh phí phục vụ cho vận hành Hệ thống TABMIS	200
III	Dự phòng	367

Ghi chú: - Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;

- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2015;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu dự toán mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, hỗ trợ tiền ăn trưa cho mẫu giáo 3 - 5 tuổi;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

+ Phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Kinh phí duy trì hệ tổng điện hoạt động trên đảo, bù tiền nước;

+ Kinh phí phục vụ vận hành hệ thống Tabmis cơ quan tài chính;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND.